ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ PHÚ ĐÔ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 276/BC-UBND	*Phú Đô, ngày 11 tháng 11 năm 2022*

BÁO CÁO
Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2022

1. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công

a) Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công:

- Thực trạng công tác quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị

Nhìn chung công tác quản lý, sử dụng,tài sản công của các đơn vị cơ bản đã thực hiện theo đúng quy định của nhà nước. Tài sản được thực hiện cập nhật trên phần mềm được Bộ Tài chính cung cấp do vậy đảm bảo thông tin về tài sản được đầy đủ, kịp thời, chính xác.

Tổng tài sản của đơn vị hiện đảm bảo đúng quy định, định mức.Đơn vị đã giao tài sản đến từng bộ phận, cá nhân trong đơn vị để quản lý và sử dụng, đồng thời giao trách nhiệm quản lý,nếu trong quá trình sử dụng mà không phải lỗi khách quan thì cá nhân phải bồi thường cho đơn vị.

Tài sản công trong trường được quản lý thống nhất, có sự phân công, phân cấp quyền hạn, trách nhiệm giữa thủ trưởng đơn vị với các cá nhân được giao trực tiếp sử dụng tài sản. Nếu cá nhân nào sử dụng tài sản được giao không đúng mục đích thì đơn vị thực hiện thu hồi,nếu bị hỏng do lỗi chủ quản thì cá nhân phải bồi thương theo quy định.

Tài sản được theo dõi trên hệ thống sổ sách kế toán của đơn vị; Hàng năm đã thực hiện kiểm kê tài sản vào cuối năm, lập báo cáo quản lý tài sản nhà nước.

Tài sản công được đầu tư, trang bị, sử dụng đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ bảo đảm công bằng, hiệu quả và tiết kiệm; được bảo dưỡng, sửa chữa và bảo vệ theo chế độ quy định.

Việc xác định giá trị tài sản công trong các quan hệ mua, bán, thanh lý được thực hiện theo cơ chế thị trường và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai, minh bạch trong việc quản lý sử dụng tài sản công trong nhà trường. Mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý sử dụng tài sản công phải bị xử lý nghiêm minh.

b) Kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài sản công: Đơn vị không có kiến nghị

c. Đánh giá mặt tích cực, hiệu quả và tồn tại trong công khai quản lý và sử dụng tài sản nhà nước của đơn vị năm 2022.

- Mặt tích cực, hiệu quả:

Việc mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản nhà nước của đơn vị đều thực hiện theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, Công khai kế hoạch mua sắm, dự toán. Tài sản được quản lý và sử dụng đúng mục đích, không sử dụng tài sản nhà nước để cho thuê, chuyển làm cơ sở kinh doanh, dịch vụ trái quy định.

Công tác báo cáo đăng ký kê khai và công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được đơn vị quan tâm thực hiện theo đúng quy định

- Một số tồn tại:

Bên cạnh các mặt đã đạt được như đã nêu trên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như:

Cập nhập các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản chưa được kịp thời.

- Tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về quản lý, sử dụng tài sản công trong kỳ báo cáo

Trong năm 2022 đơn vị không có kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán và đơn vị cấp trên về xử lý công tác quản lý, sử dụng tài sản.

2. Báo cáo công tác xắp xếp lại, xử lý tài sản là nhà đất.

2.1 Báo cáo công tác xắp xếp tài sản là nhà đất

- Đơn vị đã thực hiện sắp xếp cơ sở nhà đất theo Quyết định số 3014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

+ Cơ sở đất đã được sắp xếp: + 2607,6m2

+ Cơ sở nhà đã được sắp xếp:+ 1325m2

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

2.2 Xử lý tài sản là nhà đất

Trong năm 2022 đơn vị không xử lý tài sản nào

3. Báo cáo kê khai tài sản công

- Trong năm 2022 UBND xã Phú Đô thực hiện mua sắm 01 máy tính xách tay cho Bí thư Đảng ủy xã.

4. Báo cáo công khai tài sản

4.1. Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công tại đơn vị

Năm 2022 đơn vị thực hiện mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước 01 bộ máy tính xách tay cho Bí thư Đảng ủy xã với số tiền là 15.000.000 đồng.

Đơn vị đã thực hiện công khai đầy đủ các thủ tục bao gồm dự toán, số lượng, chủng loại, kế hoạch mua sắm, giao, và kết quả thực hiện của đơn vị

- Công khai dự toán, kế hoạch mua sắm theo Quyết định số 363 ngày 23/03/2022 của UBND xã Phú Đô

- Công khai kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp máy tính theo Quyết định số 442 ngày 25/04/2022

* Năm 2022 đơn vị không thuê tài sản bên ngoài để phục vụ công tác của đơn vị.

4.2.Công khai tình hình sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy và các hình thức xử lý khác đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Hình thức công khai: Tại trụ sở làm việc và trong buổi họp của cơ quan đơn vị và có biên bản niêm yết công khai.

(Có các biểu mẫu kèm theo : Mẫu 09a-CK/TSC, Mẫu 09b-CK/TSC, Mẫu 09c-CK/TSC, Mẫu 09d-CK/TSC, Mẫu 09đ-CK/TSC)

- Công khai thu hồi, điều chuyển tài sản: Năm 2022 đơn vị không có việc thu hồi, điều chuyển tài sản.

- Công khai thanh lý tài sản: Năm 2022 đơn vị không có việc thu hồi, điều chuyển tài sản.

Nơi nhận:
- Phòng TC-KH huyện;
- Lưu: VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phùng Thanh Hà

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND huyện Phú Lương
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Phú Đô
Mã đơn vị: T55041023
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2022

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mại thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
I	**Đầu tư xây dựng, mua sắm**		**1**				**15.000,00**						
1	**Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp**												
2	**Xe ô tô**												
3	**Tài sản cố định khác**		**1**				**15.000,00**						
	Máy tính laptop HP Core I3/4GB/256GB		1				15.000,00	Mua sắm trực tiếp					
II	**Tài sản giao mới**												
1	**Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp**												
2	**Xe ô tô**												
3	**Tài sản cố định khác**												
III	**Tài sản đi thuê**												
1	**Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp**												
2	**Xe ô tô**												
3	**Tài sản cố định khác**												

IV	**Tài sản từ nguồn viện trợ, quà biếu, tặng cho (nếu có)**												
1	**Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp**												
2	**Xe ô tô**												
3	**Tài sản cố định khác**												

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên **Mẫu 09b-CK/TSC**
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND huyện Phú Lương
Cơ quan, tổ chưc, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Phú Đô
Mã đơn vị: T55041023
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Stt	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m^2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đên thời điểm công khai (m^2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng(m^2)	Giá trị theo sổ kế toàn (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đên thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m^2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
1	Nhà văn hóa xóm Phú Bắc,xóm Phú Bắc, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên	40	16.260		40																
2	xóm Phú Nam 1, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên																				

2.1	Nhà vă hóa xóm Phú Nam 1,xóm Phú Nam 1, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên									2.009	176	78.266	5.980		176						
3	Xóm Ao cống - xã Phú Đô - Phú Lương - Thái Nguyên, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên																				
3.1	Nhà văn hóa xóm Ao Cống,Xóm Ao cống - xã Phú Đô - Phú Lương - Thái Nguyên, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên									2.016	100	341.476	182.041		100						
4	Xóm Mới, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên																				
4.1	Nhà văn hóa xóm Mới,Xóm Mới, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên									2.007	237	45.619			237						
5	xóm Phú Nam 7, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên																				
5.1	Nhà văn hóa xóm Phú Nam 7,xóm Phú Nam 7, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên									2.009	608	100.065	7.645		608						
6	xóm Khe vàng 2, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên																				

6.1	Nhà văn hóa xóm Khe vàng 2,xóm Khe vàng 2, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên									2.007	427	45.449			427						
7	xóm Khe Vàng 3, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên																				
7.1	Nhà văn hóa xóm Khe Vàng 3,xóm Khe Vàng 3, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên									2.007	568	45.085			568						
8	Nhà văn hóa xóm Khe Vàng 3,xóm Khe Vàng 3, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên	60	45.085		60																
9	Nhà văn hóa xóm Phú Nam 6,xóm Phú Nam 6, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên	55	71.623		55																
10	Nhà văn hóa xóm Mới,Xóm Mới, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên	60	45.619		60																
11	xóm Phú Nam 6, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên																				
11.1	Nhà văn hóa xóm Phú Nam 6,xóm Phú Nam 6, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh									2.011	251	71.623	14.783		251						

	Thái Nguyên																				
12	xóm Mới, xã Phú Đô, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên																				
12.1	Trụ sở UBND xã phú đô,xóm Mới, xã Phú Đô, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên									2.013	880	1.600.000	538.240	880							
13	Nhà văn hóa xóm Khe Vàng 2,xóm Khe vàng 2, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên	60	45.449		60																
14	Nhà văn hóa xóm Phú Nam 1,xóm Phú Nam 1, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên	60	78.226		60																
15	Xã Phú Đô - Phú Lương - Thái Nguyên, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên																				
15.1	Cải tạo, sửa chữa các công trình phụ trợ tạm y tế xã Phú Đô,Xã Phú Đô - Phú Lương - Thái Nguyên, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên									2.017	50	75.856	45.498	50							
16	Đất trụ sở,xóm Mới, xã Phú Đô, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh	2.608	2.156.480	2.608																	

	Thái Nguyên																				
17	Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên																				
17.1	Trụ sở UBND xã Phú Đô hạng mục nhà sinh hoạt cộng đồng,Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên									2.016	70	430.766	229.641	70							
18	xóm Mới, xã Phú Đô, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên																				
18.1	Nhà trung tâm học tập cộng đồng ,xóm Mới, xã Phú Đô, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên									2.013	375	2.914.685	983.557	375							
19	xóm Phú Bắc, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên																				
19.1	Nhà văn hóa xóm Phú Bắc,xóm Phú Bắc, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên									2.007	40	16.260			40						
20	Nhà văn hóa xóm Phú Nam 7,xóm Phú Nam 7, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên	90	100.065		90																
21	xóm Phú Nam 8, Xã Phú Đô, Huyện Phú																				

	Lương, Tỉnh Thái Nguyên																				
21.1	Nhà văn hóa xóm Phú Nam 8,xóm Phú Nam 8, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên									2.007	222	23.095			222						
22	Nhà văn hóa xóm Phú Nam 8,xóm Phú Nam 8, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên	40	23.095		40																
23	xóm Mới, xã Phú Đô, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên																				
23.1	Nhà làm việc bộ phận C.an,xóm Mới, xã Phú Đô, Xã Phú Đô, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên									2.006	60	423.272		60							

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND huyện Phú Lương
Cơ quan, tổ chưc, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Phú Đô
Mã đơn vị: T55041023
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC NĂM 2022

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**Ô tô**													
II	**Tài sản cố định khác**		**52**	**29.606.877**	**26.773.699**	**2.833.179**	**10.559.997**							
	Tài sản trên 500 triệu		**17**	**27.688.420**	**24.855.241**	**2.833.179**	**9.790.476**							
1	Đường bê tông từ trạm y tế xã Phú ĐÔ đi trường THCS xã Phú Đô		1	847.200		847.200	508.320							
2	Đường bê tông xóm Khe vàng 3 đi xóm Pháng 2 đi trường băn xã Phú Đô		1	526.529	466.529	60.000	315.917							
3	Đường bê tông xóm Pháng 3, xã Phú Đô	Nhân dân xóm pháng 3	1	554.710	554.710		166.413							
4	ĐƯờng bê tông xóm Phú Nam I (Giai đoạn 2)	Bí thư Đảng ủy	1	1.702.352	1.702.352		851.176							
5	Đường GTNT từ ngã ba xóm ao cống đi các xóm Phú Nam 3-4-5 xã Phú Đô	Văn phòng UBND	1	3.040.935	3.040.935		912.281							

6	Đường GTNT từ ngã ba xóm ao cống đi các xóm Phú Nam 3-4-5 xã Phú Đô	Văn phòng UBND	1	3.040.935	3.040.935		912.281							
7	Đường GTNT từ ngã ba xóm ao cống đi các xóm Phú Nam 3-4-5 xã Phú Đô	Văn phòng UBND	1	3.040.935	3.040.935		912.281							
8	Đường bê tông xóm Phú thọ xã Phú ĐÔ, huyện Phú Lương giai đoạn 2	Văn phòng UBND	1	567.010	567.010		56.701							
9	Đường GTNT từ ngã 3 Ao Cống đi các xóm Phú Nam 6-7-8 xã Phú Đô	Văn phòng UBND	1	2.903.346	1.889.207	1.014.139	1.742.008							
10	Đường bê tông xi măng xóm pháng 3 đi xóm Phú nam 8	Văn phòng UBND	1	960.530	960.530		576.318							
11	Đường GTNT từ ngã ba xóm ao cống đi các xóm Phú Nam 3-4-5 xã Phú Đô	Văn phòng UBND	1	3.040.935	3.040.935		912.281							
12	Đường bê tông xóm Cúc Lừng đi Phú Nam 7	Văn phòng UBND	1	1.615.170	1.084.862	530.309	323.034							
13	Đường GTNT từ ngã ba xóm ao cống đi các xóm Phú Nam 3-4-5 xã Phú Đô	Văn phòng UBND	1	3.040.935	3.040.935		912.281							
14	Đường Giao thông nông thôn nội xóm Pháng 3, xã Phú Đô	Văn phòng UBND	1	595.109	595.109		357.065							
15	Đường bê tông xóm Phú thọ xã Phú ĐÔ, huyện Phú Lương giai đoạn 2	Văn phòng UBND	1	567.010	567.010		56.701							
16	Đường bê tông xóm Phú Nam I, xã Phú Đô	Văn Phòng Đảng ủy	1	1.090.069	708.538	381.531	109.007							
17	Đường bê tông xóm Pháng 3, xã Phú Đô	Nhân dân xóm pháng 3	1	554.710	554.710		166.413							
	Tài sản dưới 500 triệu		**35**	**1.918.457**	**1.918.457**		**769.521**							
1	Đường bê tông nhà văn hóa xóm Phú Nam 5 đi xóm Phsu nam 5	Văn phòng UBND	1	289.569	289.569		173.741							
2	Đường bê tông từ cổng làng Phú Nam đi UBND xã Phú Đô	Văn phòng UBND	1	334.430	334.430		133.772							
3	Đường bê tông xóm Pháng 2, xã Phú Đô	Văn phòng UBND	1	418.036	418.036		125.411							
4	Đường bê tông đình làng Pháng xóm Cúc Lùng , xã Phú Đô đi cổng làng xóm Tân Yên	Bí thư Đảng ủy	1	475.419	475.419		237.710							

5	Máy vi tính	Văn Phòng Đảng ủy	1	7.500	7.500									
6	Máy vi tính	Bí thư Đảng ủy	1	11.040	11.040									
7	Máy vi tính	Phó Bí Thư	1	10.757	10.757									
8	Máy vi tính	Tài chính - Kế toán	1	14.004	14.004									
9	Máy tính để bàn chỉ huy trưởng quân sự	Quân Sự	1	14.800	14.800		8.880							
10	Máy vi tính HP	Phó Chủ tịch UBND	1	8.000	8.000									
11	Máy vi tính	Văn phòng UBND	1	7.500	7.500									
12	Máy vi tính	Phó Chủ tịch UBND	1	11.040	11.040									
13	Máy vi tính	Chủ tịch UBND	1	11.040	11.040									
14	Máy vi tính	Phó Chủ tịch UBND	1	11.040	11.040									
15	Máy vi tính	Phòng Địa chính	1	11.800	11.800									
16	Máy tính sách tay dell core I5	Văn phòng UBND	1	14.950	14.950		2.990							
17	máy photo coppy	Bộ phận một cửa	1	37.750	37.750									
18	Bàn làm việc	Phó Chủ tịch UBND	1	10.000	10.000									
19	Ghế ngồi làm việc	Bí thư Đảng ủy	1	5.000	5.000									
20	Máy tính đông bộ xách tay Dell core i3	Bí thư Đảng ủy	1	15.000	15.000		6.000							
21	Máy tính xách tay HP core i5	Tài chính - Kế toán	1	15.000	15.000		9.000							

22	Máy tính xách tay dell core i3	Phòng Văn Hóa- xã hội	1	15.000	15.000		9.000							
23	Máy tính đông bộ xách tay Dell E5940	Bí thư Đảng ủy	1	14.980	14.980		5.992							
24	Bộ CMS X-Media X938	Bộ phận một cửa	1	12.900	12.900		2.580							
25	Bàn họp gỗ ép ê líp	Hội trường nhỏ	1	14.500	14.500									
26	Bàn làm việc lãnh đạo	Bí thư Đảng ủy	1	5.100	5.100									
27	Hệ thống camera giám sát	Bộ phận một cửa	1	10.032	10.032		5.016							
28	Máy tính laptop HP Core I3/4GB/256GB	Bí thư Đảng ủy	1	15.000	15.000		12.000							
29	Máy tính xách tay dell core i3	Phó Chủ tịch UBND	1	14.500	14.500		8.700							
30	Bộ CMS X-Media X938	Bộ phận một cửa	1	12.900	12.900		2.580							
31	máy scan HP Scanjet pro 3000S3	Bộ phận một cửa	1	12.510	12.510		2.502							
32	Máy HPScanjet Pro 2000	Tài chính - Kế toán	1	11.360	11.360		2.272							
33	Ổn áp 30KVA 3 pha	Văn phòng UBND	1	31.000	31.000		19.375							
34	Phần mềm quản lý tài sản		1	5.000	5.000									
35	Phần mề quản lý dự án đầu tư PABMIS	Tài chính - Kế toán	1	10.000	10.000		2.000							
	Tổng		**52**	**29.606.877**	**26.773.699**	**2.833.179**	**10.559.997**							

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên **Mẫu 09d-CK/TSC**
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND huyện Phú Lương
Cơ quan, tổ chưc, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Phú Đô
Mã đơn vị: T55041023
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2022

Stt	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản(Nghìn đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
I	Đất															
II	Nhà															
II	Xe Ô tô															
III	Tài sản cố định khác															
	Tài sản có nguyên giá trên 500 triệu															
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu															

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên **Mẫu 09đ-CK/TSC**
Cơ quan quản lý cấp trên: UBND huyện Phú Lương
Cơ quan, tổ chưc, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Phú Đô
Mã đơn vị: T55041023
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2022

		Kinh doanh			Cho thuê						Liên doanh, liên kết					
Stt	**Tên tài sản**	**Số lương / diện tích tài sản kinh doanh**	**Hình thức kinh doanh**	**Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm** (Nghìn đồng)	**Số lượng / diện tích tài sản cho thuê**	**Đơn giá thuê**	**Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản**	**Hợp đồng thuê tài sản, số..., ngày...**	**Thời hạn cho thuê từ... đến...**	**Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm** (Nghìn đồng)	**Số lương / diện tích tài sản liên doanh liên kết**	**Đối tác liên doanh / liên kết**	**Hình thức liên doanh, liên kết**	**Hợp đồng liên doanh, liên kết** (số..., ngày...)	**Thời hạn liên doanh, liên kết** (từ..., đến)	**Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm** (Nghìn đồng)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
I	**Nhà, đất**															
II	**Xe ô tô**															
III	**Tài sản cố định khác**															
	Tổng	**0**		**0**	**0**	**0**				**0**	**0**					**0**